

XÁC ĐỊNH CÁC NHÂN TỐ DẪN ĐẾN TÌNH TRẠNG HỌC KÉM CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

ThS.Nguyễn Quốc Nghi¹

Lê Thị Diệu Hiền¹

TÓM TẮT

Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm xác định các nhân tố dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên trường Đại học Cần Thơ. Thông qua số liệu điều tra từ 184 sinh viên học kém và áp dụng phương pháp phân tích nhân tố cho thấy, có nhiều nhân tố tác động dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên. Bản thân sinh viên chịu ảnh hưởng bởi 3 nhân tố: sự thích nghi với phương pháp giảng dạy mới, mức độ thường xuyên đến lớp và ngành học phù hợp với sở thích. Trong đó, sự thích nghi với phương pháp giảng dạy là nhân tố ảnh hưởng nhiều nhất. Đối với nhóm nhân tố thuộc về nhà trường, có 2 nhân tố quan trọng dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên đó là cơ sở vật chất và phương pháp giảng dạy của giáo viên, trong đó nhân tố cơ sở vật chất phòng học ảnh hưởng nhiều nhất đến kết quả học tập của sinh viên. Đối với nhóm nhân tố thuộc về gia đình và xã hội, có 2 nhân tố quan trọng đó là tình cảm cá nhân và mức độ quan tâm của gia đình đối với việc học. Trong đó, tình cảm cá nhân của sinh viên là có ảnh hưởng mạnh nhất đến vấn đề học kém của sinh viên.

Từ khóa: học kém, sinh viên, nhà trường, gia đình và xã hội.

ABSTRACT

The objective of this study is to determine the factors leading poor academic results among students of Can Tho University. Data from the survey of 184 poor undergraduate students and the use of factor analysis showed that there are many factors leading to students' poor academic results. For students, they themselves are influenced by three factors namely adaptation to new teaching methods, frequency of class attendance and the correlation between their study field and their interest. In particular, adaptation to new teaching methods is the most influential factor. For the university, there are two important factors leading to students' poor academic results including classroom facility and lecturers' teaching method. Among which, the former is more influential than the latter. For the group of elements relating to family and society, there are 2 important factors namely personal feelings and family's level of interest for students' learning. In particular, students' personal feelings are more influential to students' poor academic results than family's level of interest.

Key words: poor academic results, students, schools, family and society.

Title: Determining Factors Leading to Poor Academic Results Among Students at Can Tho University.

1. Đặt vấn đề.

Đại học Cần Thơ (ĐHCT), cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trọng điểm của Nhà nước ở đồng bằng sông Cửu Long, là trung tâm văn hóa - khoa học kỹ thuật của vùng. Trường đã không ngừng hoàn thiện và phát triển, từ một số ít ngành đào tạo ban

đầu, Trường đã củng cố, phát triển thành một trường đa ngành đa lĩnh vực. Hiện nay Trường đào tạo 76 chuyên ngành đại học, 28 chuyên ngành cao học 8 chuyên ngành nghiên cứu sinh và 1 chuyên ngành cao đẳng. Trong thời gian qua, trường ĐHCT đã có nhiều biện pháp tích cực để nâng cao

¹Giảng viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh Trường Đại học Cần Thơ

chất lượng đào tạo, cụ thể là đưa hệ thống đào tạo tín chỉ hóa vào công tác giảng dạy và bước đầu đã đạt được một số kết quả rất khả quan. Tuy nhiên, vẫn còn một lượng không nhỏ sinh viên có học lực kém. Trong năm 2008, trường ĐHCT đã quyết định xóa tên 189 sinh viên học lực kém tự ý bỏ học và trong học kỳ II năm 2008 – 2009 gần 200 sinh viên có học lực kém đã bị cảnh báo học vụ, trong đó tập trung nhiều ở 3 ngành Sư phạm, Kinh tế và Nông nghiệp. Vì vậy, nghiên cứu các nhân tố dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên là rất cần và thiết thực. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở khoa học hỗ trợ cho trường ĐHCT nói riêng và ngành giáo dục cả nước nói chung nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Phương pháp nghiên cứu.

2.1. Phương pháp thu thập thông tin.

Thông tin sơ cấp được thu thập thông qua phiếu điều tra theo phương pháp chọn mẫu phân tầng kết hợp với ngẫu nhiên được sử dụng để thu thập thông tin của sinh viên có học lực kém, với cỡ mẫu là 184. Nội dung phiếu điều tra bao gồm: Thông tin về sinh viên, kết quả học tập của sinh viên, các nguyên nhân dẫn đến tình trạng học kém và một số kiến nghị của sinh viên.

Thông tin thứ cấp về tình hình sinh viên học kém được thu thập từ phòng Đào tạo và phòng Công tác sinh viên trường ĐHCT. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn tham khảo ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý thuộc các phòng ban của trường ĐHCT.

2.2. Phương pháp phân tích số liệu.

Thông qua lược khảo các tài liệu nghiên cứu về chủ đề nguyên nhân học kém của sinh viên cho thấy, phần lớn nghiên cứu (Lê Quang Việt, 2003; Nguyễn Hạnh Thảo Nguyễn, 2008; Nguyễn Hồ Anh Khoa, 2008) chỉ tập trung sử dụng các công cụ thống kê mô tả và hồi qui tuyến tính để xác định một số nguyên nhân dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên. Các nghiên cứu này cũng đã chỉ ra một số nguyên nhân dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên như: sự quan tâm của gia đình đến việc học tập của sinh viên, thời gian đến lớp của sinh viên, phương pháp học tập của sinh viên, thái độ học tập của sinh viên, việc tham gia làm thêm, cơ sở vật chất trường-lớp, chất lượng giảng viên,... Nhóm nghiên cứu tiếp tục phát triển các nhân tố dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên thông qua phương pháp tham vấn chuyên gia và thảo luận nhóm (nghiên cứu định tính). Cuối cùng, nhóm nghiên cứu

Bảng 1: Cơ cấu mẫu điều tra theo tiêu chí phân tầng

TT	Tiêu chí phân tầng	Cỡ mẫu
1	Khối ngành Kinh tế-Sư phạm-XHNV	87
2	Khối ngành Công nghệ - Công nghệ TT&TT	59
3	Khối ngành Nông nghiệp-Thủy sản	38
	Tổng cộng	184

chọn lọc được 3 nhóm nhân tố (gồm 26 tiêu chí) dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên trường ĐHCT, bao gồm: (A) Nhân tố thuộc về Cá nhân (11 tiêu chí); (B) Nhân tố thuộc về Nhà trường (9 tiêu chí); (C) Nhân tố thuộc về Gia đình và Xã hội (6 tiêu chí).

Cả 3 nhóm nhân tố trên đều sử dụng thang đo likert từ 1 đến 5 để sinh viên nhận xét theo quy ước đánh giá mức độ tăng dần “Rất không ảnh hưởng (1 điểm) → Rất ảnh hưởng (5 điểm)”.

Bảng 2: Bộ tiêu chí đánh giá các nhân tố ảnh hưởng

TT	Mã hoá	Nhân tố
A	Nhân tố thuộc về Cá nhân	
1	CN ₁	Thái độ đối với việc học
2	CN ₂	Động cơ học tập
3	CN ₃	Ngành học không phù hợp sở thích
4	CN ₄	Sự thích nghi với phương pháp giảng dạy mới
5	CN ₅	Phương pháp và kỹ năng học tập
6	CN ₆	Mức độ thường xuyên đến lớp
7	CN ₇	Khả năng tự học
8	CN ₈	Không tập trung khi học
9	CN ₉	Tình trạng sức khoẻ
10	CN ₁₀	Bị Stress, mệt mỏi
11	CN ₁₁	Thời gian cho việc học và giải trí
B	Nhân tố thuộc về Nhà trường	
1	NT ₁	Thời khoá biểu gây khó khăn đến lớp
2	NT ₂	Cơ sở vật chất của phòng học
3	NT ₃	Không gian phòng học chật hẹp
4	NT ₄	Tiếng ồn, hệ thống âm thanh
5	NT ₅	Khả năng truyền đạt của GV
6	NT ₆	Phương pháp giảng dạy của GV
7	NT ₇	Mức độ về trao đổi nội dung môn học với GV
8	NT ₈	Hình thức đánh giá kết quả học tập với GV
9	NT ₉	Thái độ của GV đối với sinh viên
C	Nhân tố thuộc về Gia đình và Xã hội	
1	GĐXH ₁	Tình cảm cá nhân
2	GĐXH ₂	Mức độ quan tâm của gia đình đối với việc học
3	GĐXH ₃	Mức độ tham gia vào các hoạt động Đoàn thể, xã hội
4	GĐXH ₄	Việc làm thêm
5	GĐXH ₅	Điều kiện học tập
6	GĐXH ₆	Điều kiện sinh hoạt cá nhân

Trong nghiên cứu này, phương pháp kiểm định độ tin cậy của thang đo (kiểm định Cronbach Alpha) kết hợp với phương pháp phân tích nhân tố (EFA) được sử dụng để xác định các nhân tố dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên trường ĐHTC. Việc lựa chọn phương pháp phân tích nhân tố

trong nghiên cứu sẽ hỗ trợ nhóm nghiên cứu tìm ra các nhóm nhân tố quan trọng dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên thay cho phương pháp hồi qui tuyến tính chỉ dừng lại trong giới hạn một vài nhân tố có thể định lượng và các biến giả.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận.

3.1. Thực trạng sinh viên học kém ở trường ĐHCT.

Sinh viên học kém là vấn đề bức thiết mà bất cứ trường đại học nào cũng quan tâm vì nó ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng đào tạo của trường, đến việc cung ứng đội ngũ trí thức có kiến thức để giúp ích cho bản thân và xã hội. Trường ĐHCT cũng vậy, trong thời gian qua, lãnh đạo trường cũng không ngừng tìm các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo để xứng danh là trường trọng điểm của khu vực ĐBSCL. Theo kết quả thống kê của phòng Công tác sinh viên cho thấy, số lượng sinh viên học kém chia thành 2 giai đoạn khá rõ. Giai đoạn 2006 – 2007, số lượng sinh viên học kém có xu hướng tăng cao nhất, năm 2007 tăng 192 sinh viên so với 2006, với tỷ lệ

tăng là 193,8%. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do trong 2007 trường ĐHCT chuyển từ qui chế đào tạo học phần sang đào tạo theo qui chế hệ thống tín chỉ. Do đó, về phương pháp dạy và học có sự thay đổi lớn nên sinh viên chưa thích ứng kịp thời dẫn đến kết quả học tập giảm sút. Giai đoạn 2008 – 2009, tỷ lệ sinh viên học kém toàn trường đã giảm, mặc dù năm 2008 giảm không đáng kể so với năm 2007 (giảm 3,9%) nhưng đó là tín hiệu đáng mừng trong việc đổi mới cách dạy và học theo tín chỉ. Trong năm 2009, chất lượng đào tạo của trường đã tăng rõ rệt thể hiện qua việc số sinh viên học kém ở tất cả các khoa đều giảm, giảm 33,1% so với 2008. Qua đó cũng cho thấy, sinh viên ngày càng thích ứng và nắm bắt được ưu điểm của phương pháp giảng dạy theo hệ thống tín chỉ hóa.

Bảng 3: Số lượng sinh viên học kém theo đơn vị đào tạo giai đoạn 2006-2009

DVT: Sinh viên

TT	Đơn vị	Năm				Tổng
		2006	2007	2008	2009	
1	Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL	0	2	3	0	5
2	Viện Nghiên cứu Phát triển Công nghệ sinh học	0	2	0	4	6
3	Khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông	34	52	105	63	254
4	Khoa Khoa học tự nhiên	10	1	10	9	30
5	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh	18	95	20	31	164
6	Khoa Luật	11	5	1	5	22
7	Khoa Khoa học Chính trị	0	0	0	0	0
8	Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên	0	0	5	4	9
9	Khoa Nông nghiệp và Sinh học ứng dụng	18	40	55	24	137
10	Khoa Sư phạm	52	51	47	23	173
11	Bộ môn Giáo dục thể chất	3	2	1	2	8
12	Khoa Công nghệ	37	119	106	68	330
13	Khoa Thủy sản	12	18	17	10	57
14	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	0	0	2	6	8
Tổng cộng		195	387	372	249	1.203

Nguồn: Phòng Công tác sinh viên, Trường ĐHCT

Xét tỷ lệ sinh viên học kém theo đơn vị đào tạo của trường ĐHCT cho thấy, khoa Công nghệ có tỷ lệ sinh viên học kém cao nhất toàn trường (chiếm 27,43%), kế đến là khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông đứng thứ 2 (21,11%), tiếp theo là khoa Sư phạm (14,38%), khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh (13,63%), khoa Nông nghiệp và Sinh học ứng dụng (chiếm 11,39%). Khoa Khoa học Chính trị là khoa duy nhất không có sinh viên học kém.

3.2. Các nhân tố dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên.

3.2.1. Các nhân tố thuộc về Cá nhân.

Bước 1: Kiểm định mức độ phù hợp của thang đo.

Sử dụng phần mềm SPSS để hỗ trợ phân tích, kết quả cho thấy, hệ số Cronbach Alpha của mô hình là 7,14 do đó thang đo sử dụng trong mô hình là phù hợp. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng khi Cronbach's Alpha từ 0,8 trở lên đến gần 1 thì thang đo lường là tốt, từ 0,7 đến gần 0,8 là sử dụng được (Nunnally, 1978; Peterson, 1994; Slater, 1995). Các nhân tố thuộc về Cá nhân dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên sau khi kiểm định là: CN₁: Thái độ đối với việc

học; CN₂: Động cơ học tập; CN₃: Ngành học không phù hợp sở thích; CN₄: Sự thích nghi với phương pháp giảng dạy mới; CN₅: Phương pháp và kỹ năng học tập; CN₆: Mức độ thường xuyên đến lớp; CN₇: Khả năng tự học; CN₈: Không tập trung khi học; CN₉: Tình trạng sức khỏe; CN₁₀: Bị Stress, mệt mỏi; CN₁₁: Thời gian cho việc học và giải trí.

Bước 2: Phân tích nhân tố.

Để xác định các yếu tố thuộc về Cá nhân dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên, kiểm định Bartlett's được thực hiện với giả thuyết H₀: Không có sự tương quan giữa các biến và H₁: Có sự tương quan giữa các biến với nhau. Trong phân tích nhân tố, ta mong đợi bác bỏ giả thuyết H₀, nghĩa là chấp nhận giả thuyết H₁ các biến có liên quan với nhau. Sử dụng phần mềm SPSS để hỗ trợ phân tích, kết quả kiểm định KMO và Bartlett có giá trị P_value = 0,00. Như vậy, giả thuyết H₀ hoàn toàn bị bác bỏ ở mức ý nghĩa $\alpha = 5\%$ hay các biến có tương quan với nhau. Kết quả phân tích còn cho thấy, tiêu chuẩn Eigenvalue lớn hơn 1 thì chỉ có 3 nhân tố được rút ra. Do đó, số lượng 3 nhân tố là thích hợp, với phương sai cộng dồn = 70,61%.

Bảng 4: Kết quả phân tích ma trận nhân tố thuộc về Cá nhân

Nhân tố	Ma trận xoay nhân tố			Nhân tố	Ma trận điểm nhân tố		
	F ₁	F ₂	F ₃		F ₁	F ₂	F ₃
CN ₁	0,184	-0,028	0,662	CN ₁	0,014	-0,115	0,409
CN ₂	0,163	0,263	0,730	CN ₂	-0,061	0,072	0,428
CN ₃	-0,008	-0,001	0,762	CN ₃	-0,120	-0,073	0,501
CN ₄	0,005	0,784	-0,101	CN ₄	-0,122	0,520	-0,144
CN ₅	0,080	0,795	0,208	CN ₅	-0,126	0,484	0,047
CN ₆	0,748	-0,085	-0,014	CN ₆	0,460	-0,188	-0,114
CN ₇	0,656	0,059	0,036	CN ₇	0,373	-0,082	-0,081
CN ₈	0,513	0,222	0,145	CN ₈	0,242	0,039	-0,004
CN ₉	0,483	0,031	0,221	CN ₉	0,248	-0,088	0,069
CN ₁₀	0,498	0,437	0,055	CN ₁₀	0,209	0,191	-0,082
CN ₁₁	0,481	0,448	0,188	CN ₁₁	0,181	0,170	0,009

Nguồn: Kết quả phân tích nhân tố từ số liệu điều tra, năm 2010

Từ kết quả phân tích ta thu được 3 nhân tố sau: Nhân tố thứ 1 có sự tương quan với 6 biến là CN_6 (Mức độ thường xuyên đến lớp), CN_7 (Khả năng tự học), CN_8 (Không tập trung khi học), CN_9 (Tình trạng sức khỏe), CN_{10} (Bị stress, mệt mỏi), CN_{11} (Thời gian cho việc học và giải trí). Các biến này thể hiện tình trạng sức khỏe của sinh viên, do đó có thể đặt tên chung cho nhân tố F_1 là ***nhân tố thể chất của sinh viên***. Nhân tố thứ 2 có sự tương quan với 2 biến là CN_4 (Sự thích nghi với phương pháp dạy mới), CN_5 (Phương pháp và kỹ năng học). Các biến này thể hiện khả năng thích ứng của sinh viên, do đó có thể đặt tên chung cho nhân tố F_2 là ***nhân tố khả năng thích ứng của sinh viên***. Nhân tố thứ 3 có sự tương quan khá chặt chẽ với 3 biến là CN_1 (Thái độ đối với việc học), CN_2 (Động cơ học tập), CN_3 (Ngành học không phù hợp sở thích). Các biến này đều thể hiện nhận thức của sinh viên đối với việc học, do đó có thể đặt tên chung cho F_3 ***mức độ phù hợp của việc lựa chọn ngành học***.

Thông qua ma trận điểm nhân tố cho thấy, biến có hệ số lớn nhất sẽ ảnh hưởng nhiều nhất đến nhân tố chung, cụ thể: Biến CN_6 (Mức độ thường xuyên đến lớp) có hệ số nhân tố cao nhất (0,460) nên đây là biến ảnh hưởng nhiều nhất đến nhân tố F_1 ***nhân tố thể chất của sinh viên***. Biến CN_4 (Sự thích nghi với phương pháp giảng dạy mới) có hệ số cao nhất (0,52) nên đây là biến ảnh hưởng nhiều nhất đến nhân tố F_2 ***nhân tố khả năng thích ứng của sinh viên***. Biến CN_3 (Ngành học không phù hợp với sở thích) có hệ số khá cao (0,501) do đó có ảnh hưởng mạnh đến nhân tố F_3 ***mức độ phù hợp của việc lựa chọn ngành học***. Như vậy, vấn đề học kém của sinh viên do yếu tố Cá nhân chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi 3 nhân tố. Trong đó, sự thích nghi với phương pháp giảng dạy mới ảnh hưởng cao nhất,

kế tiếp là mức độ thường xuyên đến lớp và cuối cùng là ngành học không phù hợp với sở thích.

3.2.2. Các nhân tố thuộc về Nhà trường.

Bước 1: Kiểm định mức độ phù hợp của thang đo.

Kiểm định độ tin cậy thang đo (kiểm định Cronbach Alpha) các nhân tố thuộc về Nhà trường với 9 biến quan sát, kết quả kiểm định Cronbach's Alpha cho hệ số Alpha của mô hình là 0,813. Do đó, các thang đo sử dụng trong mô hình là phù hợp. Các nhân tố thuộc về Nhà trường dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên sau khi kiểm định là: NT_1 : Thời khoá biểu gây khó khăn đến lớp; NT_2 : Cơ sở vật chất của phòng học; NT_3 : Không gian phòng học chật hẹp; NT_4 : Tiếng ồn, hệ thống âm thanh; NT_5 : Khả năng truyền đạt của GV; NT_6 : Phương pháp giảng dạy của GV; NT_7 : Mức độ về trao đổi nội dung môn học với GV; NT_8 : Hình thức đánh giá kết quả học tập với GV; NT_9 : Thái độ của GV đối với sinh viên.

Bước 2: Phân tích nhân tố.

Mô hình phân tích nhân tố được xây dựng nhằm xác định các nhân tố thuộc về Nhà trường dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên. Khi xây dựng mô hình, ta giả định rằng các nhân tố có tương quan với nhau và tương quan với nhân tố chung. Tương tự như trên, kiểm định Bartlett's được thực hiện: H_0 : Không có sự tương quan giữa các biến và H_1 : Có sự tương quan giữa các biến với nhau. Kết quả kiểm định cho thấy, $KMO = 0,834 > 0,5$ và Bartlett's Test có giá trị $P_value = 0,00$. Như vậy, giả thuyết H_0 hoàn toàn bị bác bỏ ở mức ý nghĩa $\alpha = 5\%$ hay các biến có tương quan với nhau. Dựa vào tiêu chuẩn Eigenvalue lớn hơn 1 thì chỉ có 2 nhân tố được rút ra. Do đó, số lượng 2 nhân tố là thích hợp, với phương sai cộng dồn = 68,2%.

Bảng 5: Kết quả phân tích ma trận nhân tố thuộc về Nhà trường

Nhân tố	Ma trận xoay nhân tố		Nhân tố	Ma trận điểm nhân tố	
	F ₁	F ₂		F ₁	F ₂
NT ₁	0,081	0,550	NT ₁	-0,106	0,280
NT ₂	0,141	0,855	NT ₂	-0,158	0,431
NT ₃	0,251	0,819	NT ₃	-0,095	0,382
NT ₄	0,377	0,650	NT ₄	0,012	0,256
NT ₅	0,859	0,143	NT ₅	0,383	-0,150
NT ₆	0,872	0,041	NT ₆	0,417	-0,209
NT ₇	0,548	0,193	NT ₇	0,218	-0,040
NT ₈	0,587	0,374	NT ₈	0,189	0,049
NT ₉	0,625	0,385	NT ₉	0,204	0,045

Nguồn: Kết quả phân tích nhân tố từ số liệu điều tra, năm 2010

Dựa vào ma trận xoay nhân tố cho thấy, nhân tố thứ 1 có tương quan chặt chẽ với 5 biến, đó là NT₅ (Khả năng truyền đạt của GV), NT₆ (Phương pháp giảng dạy của GV), NT₇ (Mức độ về trao đổi nội dung môn học với GV), NT₈ (Hình thức đánh giá kết quả học tập của GV), NT₉ (Thái độ của GV đối với sinh viên). Các biến này nói về khả năng chuyên môn của giảng viên, do đó chúng ta có thể đặt tên cho nhân tố **F₁ là nhân tố phương pháp sư phạm của giảng viên**. Nhân tố thứ 2 có tương quan chặt chẽ với 4 biến, đó là biến NT₁ (Thời khóa biểu gây khó khăn đến lớp), NT₂ (Cơ sở vật chất của phòng học), NT₃ (Không gian phòng học chật hẹp), NT₄ (Tiếng ồn, hệ thống âm thanh). Các biến này đều có điểm chung về chất lượng phòng học, do đó chúng ta có thể đặt tên cho nhân tố **F₂ là nhân tố cơ sở vật chất**.

Từ ma trận điểm nhân tố cho thấy, biến NT₆ (Phương pháp giảng dạy của GV) có hệ số nhân tố cao nhất (0,417) nên đây là biến ảnh hưởng nhiều nhất đến nhân tố **F₁ phương pháp sư phạm của giảng viên**. Biến NT₂ (Cơ sở vật chất của phòng học) có hệ số cao nhất (0,431) nên đây là biến ảnh hưởng nhiều nhất đến nhân tố **F₂ nhân tố cơ sở vật chất**. Như vậy, vấn đề học kém của sinh viên do yếu tố Nhà trường tác động chủ yếu bởi 2 nhân tố. Trong đó, cơ sở vật chất

của phòng học có ảnh hưởng mạnh nhất đối với vấn đề học kém của sinh viên, kế đến là phương pháp giảng dạy của GV.

3.2.3. Các nhân tố thuộc về Gia đình và Xã hội.

Bước 1: Kiểm định mức độ phù hợp của thang đo.

Tương tự như trên, kiểm định thang đo các nhân tố thuộc về Gia đình và Xã hội cho hệ số Alpha của mô hình là 0,721. Do đó, các thang đo sử dụng trong mô hình là phù hợp. Các yếu tố thuộc về Gia đình và Xã hội sau khi kiểm định là: GĐXH₁: Tình cảm cá nhân; GĐXH₂: Mức độ quan tâm của gia đình đối với việc học; GĐXH₃: Mức độ tham gia vào các hoạt động Đoàn thể, xã hội; GĐXH₄: Việc làm thêm; GĐXH₅: Điều kiện học tập; GĐXH₆: Điều kiện sinh hoạt cá nhân.

Bước 2: Phân tích nhân tố.

Sử dụng phần mềm SPSS để phân tích nhân tố, kết quả kiểm định tính thích hợp của mô hình (KMO = 0,675 > 0,5) và kiểm định Bartlett về tương quan của các biến quan sát (Sig. < 0,05), vì thế giả thuyết H₀ hoàn toàn bị bác bỏ ở mức ý nghĩa $\alpha = 5\%$ hay các biến có tương quan với nhau. Dựa vào tiêu chuẩn Eigenvalue lớn hơn 1 thì chỉ có 2 nhân tố được rút ra. Do đó, số lượng 2 nhân tố là thích hợp, với phương sai cộng dồn = 61,44%.

Bảng 6: Kết quả phân tích ma trận nhân tố thuộc về Gia đình và Xã hội

Nhân tố	Ma trận xoay nhân tố		Nhân tố	Ma trận điểm nhân tố	
	F_1	F_2		F_1	F_2
GĐXH ₁	-0,079	0,828	GĐXH ₁	-0,273	0,696
GĐXH ₂	0,815	0,222	GĐXH ₂	0,602	0,035
GĐXH ₃	0,550	-0,183	GĐXH ₃	0,315	-0,365
GĐXH ₄	0,376	0,473	GĐXH ₄	0,136	0,270
GĐXH ₅	0,592	0,355	GĐXH ₅	0,308	0,133
GĐXH ₆	0,469	0,550	GĐXH ₆	0,173	0,325

Nguồn: Kết quả phân tích nhân tố từ số liệu điều tra, năm 2010

Từ kết quả phân tích trên cho thấy, nhân tố thứ 1 có tương quan khá chặt chẽ với 3 biến, đó là biến GĐXH₂ (Mức độ quan tâm của gia đình đối với việc học), GĐXH₃ (Mức độ tham gia vào các hoạt động Đoàn, trường, xã hội), GĐXH₅ (Điều kiện học tập). Các biến này liên quan đến các mối quan hệ xã hội của sinh viên. Do đó, chúng ta có thể đặt tên cho nhân tố F_1 **nhân tố gia đình và đoàn thể**. Nhân tố thứ 2 có tương quan khá chặt chẽ với 2 biến là GĐXH₁ (Tình cảm cá nhân), GĐXH₄ (Việc làm thêm), GĐXH₆ (Điều kiện sinh hoạt cá nhân). Các biến này đều có điểm chung nói về điều kiện sống của sinh viên, do đó chúng ta có thể đặt tên chung cho nhân tố F_2 **là nhân tố điều kiện sinh hoạt của sinh viên**.

Dựa vào ma trận điểm nhân tố cho thấy, biến GĐXH₂ (Mức độ quan tâm của gia đình đối với việc học) có hệ số cao nhất (0,602) nên đây là biến ảnh hưởng nhiều nhất đến nhân tố F_1 **nhân tố gia đình và đoàn thể**. Biến GĐXH₁ (Tình cảm cá nhân) có hệ số nhân tố cao nhất (0,696) nên đây là biến ảnh hưởng nhiều nhất đến nhân tố F_2 **điều kiện sinh hoạt của sinh viên**. Như vậy, vấn đề học kém của sinh viên do yếu tố Gia đình và Xã hội chịu ảnh hưởng mạnh bởi 2 nhân tố tình cảm cá nhân và mức độ quan tâm của gia đình đối với việc học. Trong đó, tình cảm cá nhân của sinh viên là nhân tố có ảnh hưởng nhiều nhất đến kết quả học kém của sinh viên trường ĐHCT.

4. Kết luận.

Thông qua kết quả nghiên cứu cho thấy, có nhiều nhân tố dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên trường ĐHCT. Xét các nhân tố thuộc về Cá nhân, bản thân sinh viên chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi 3 nhân tố: Sự thích nghi với phương pháp giảng dạy mới, mức độ thường xuyên đến lớp và ngành học phù hợp với sở thích. Trong đó, nhân tố sự thích nghi với phương pháp giảng dạy mới là nhân tố ảnh hưởng nhiều nhất. Về phía Nhà trường, các nhân tố ảnh hưởng dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên là cơ sở vật chất và phương pháp giảng dạy của giáo viên, trong đó nhân tố cơ sở vật chất phòng học ảnh hưởng nhiều nhất đến kết quả học kém của sinh viên. Đối với nhóm nhân tố thuộc về Gia đình và Xã hội có 2 nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên là tình cảm cá nhân và mức độ quan tâm của gia đình đối với việc học. Trong đó, tình cảm cá nhân của sinh viên có ảnh hưởng mạnh nhất đến vấn đề học kém của sinh viên. Vì vậy, để khắc phục tình trạng học kém, trước tiên bản thân sinh viên cần phải cố gắng chăm chỉ học tập, đồng thời cần sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình sinh viên nhằm cải thiện kết quả học tập của sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đẩy mạnh sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chu Nguyễn Mộng Ngọc, Hoàng Trọng (2004), Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS, NXB Thống kê.
- Lê Quang Việt (2003), Thực trạng những thuận lợi khó khăn ảnh hưởng đến học tập và sinh hoạt của sinh viên khi ở ngoại trú. Đề tài nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Cần Thơ.
- Nguyễn Hạnh Thảo Nguyên (2008), Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình trạng học sinh học kém, bỏ học ở nông thôn – thành phố Đà Nẵng. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường, Trường Đại học Đà Nẵng.
- Nguyễn Hồ Anh Khoa (2007), Đánh giá sự ảnh hưởng của việc sử dụng quỹ thời gian đến kết quả học tập của sinh viên Khoa Kinh tế - QTKD, Trường Đại học Cần Thơ. Đề tài nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Cần Thơ.
- Nunnally, J. (1978), *Psychometric Theory*, New York, McGraw-Hill.
- Peterson, R. (1994), A Meta-Analysis of Cronbach's Coefficient Alpha, *Journal of Consumer Research*, No. 21 Vo.2.
- Slater, S. (1995), Issues in Conducting Marketing Strategy Research, *Journal of Strategic*.